

Số: 11/GPMT-PTNMT

Châu Thành, ngày 20 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 4015/QĐ UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành về việc ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND huyện Châu Thành;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất GNC ngày 16 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ kiểm tra cấp Giấy phép môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất GNC, địa chỉ: số 673, Quốc lộ 91, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất GNC (viết tắt là cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất GNC.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 673, Quốc lộ 91, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1601005621, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 12 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.



1.4. Mã số thuế: 1601005621

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy phối trộn phân bón.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

Cơ sở được thực hiện tại số 673, Quốc lộ 91, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Phạm vi cơ sở có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc: giáp Quốc lộ 91;
- Phía Tây Nam: giáp vườn cây ăn trái;
- Phía Đông Nam: giáp quán ăn;
- Phía Tây Bắc: giáp nhà dân và trạm dừng chân Thần Tài.

1.6.2. Quy mô, công suất:

- Tổng diện tích cơ sở là 4.957,3 m². Trong đó: diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 2.577,75 m²; diện tích lối đi chung, sân nền, cây xanh là 2.379,55 m², cụ thể.

- Công suất hoạt động của cơ sở:

+ Phối trộn các phân bón lá, phân sinh học, phân điều hòa sinh trưởng, phân bón khác và sản xuất phân hữu cơ: Khoảng 3.000 tấn/năm;

+ Phối trộn phân vô cơ: Khoảng 5.900 tấn/năm;

+ Sản xuất thuốc thủy sản, hóa chất xử lý môi trường và sang chiết, đóng gói thuốc BVTV, hóa chất dùng trong nông nghiệp: Khoảng 600 tấn/năm;

+ Sản xuất, sang chiết, đóng gói thuốc chế phẩm y tế diệt côn trùng: Khoảng 400 tấn/năm.

+ Kho chứa lưu giữ các loại phân bón, thuốc BVTV thành phẩm để phân phối, chế phẩm y tế côn trùng, thuốc thủy sản, hoá chất xử lý môi trường thủy sản, thuốc BVTV và hoá chất dùng trong nông nghiệp khoảng 30 tấn.

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 19.900.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ, chín trăm triệu đồng). Cơ sở có quy mô tương đương với dự án đầu tư thuộc nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (không có yếu tố nhạy cảm về môi trường).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất GNC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành), cơ quan chức năng địa phương (UBND xã Bình Hòa) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **05 năm** (từ ngày 20 tháng 12 năm 2024 đến ngày 20 tháng 12 năm 2029).

Điều 4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường thuộc UBND xã Bình Hòa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TM-SX GNC;
- UBND xã Bình Hòa;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Ban Lãnh đạo Phòng;
- Lưu: VT, HS.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Được

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-PTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI: Không cấp phép cho nội dung này do nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi được thu gom, xử lý sẽ được tái sử dụng không thải ra môi trường bên ngoài.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh với lưu lượng khoảng 1,15 m³/ngày được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về ao xử lý sinh học để xử lý bằng đường ống PVC D114, chiều dài 58m. Nước thải sau xử lý được sử dụng cho các hoạt động tưới cây, rửa sân nền, PCCC tại cơ sở,... không thoát ra môi trường.

- Nước thải từ hoạt động rửa tay của công nhân sau quá trình bốc xếp, phối trộn phân bón,... và nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị tại khu vực sản xuất các sản phẩm dạng lỏng của cơ sở với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày được thu gom về các thau chứa, thùng chứa nước, sau đó chứa vào 10 thùng phuy loại 120 lít bố trí ở khu vực riêng để tái sử dụng cho các công đoạn sản xuất không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt: 02 bể tự hoại 3 ngăn.

- Vị trí, quy mô các bể tự hoại: 02 bể tự hoại tại khu vực văn phòng và khu vực sản xuất (mỗi bể thể tích 6,084 m³).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → đường ống PVC D114 → Ao sinh học.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất: bố trí 10 thùng phuy loại 120 lít bố trí tại khu vực riêng để tái sử dụng cho các công đoạn sản xuất không thải ra ngoài môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn Đường ống cấp, thoát nước thải; theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng và áp suất đường ống để kịp thời phát hiện rò rỉ; những khu vực ứ đọng nước để có biện pháp khắc phục kịp thời tránh tình trạng vỡ hoặc rò rỉ đường ống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ thì cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3.3. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải trong quá trình sản xuất (nếu có)/.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-PTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi và khí thải trong quá trình hoạt động tại khu vực sản xuất tại cơ sở;
- Nguồn số 02: Khí thải từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 7,5KW.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 02 dòng khí thải sau khi xử lý bao gồm 01 dòng khí thải sau xử lý của ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực sản xuất và 01 dòng khí thải từ ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực sản xuất khoảng 7.000m³/giờ, tọa độ vị trí xả khí thải: X=1155144; Y= 0567368 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).
- Dòng số 02: Tại ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng, tọa độ vị trí xả khí thải: X=1155202; Y= 0567389 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng số 01: Bụi và khí thải trong quá trình hoạt động tại khu vực sản xuất khoảng 7.000m³/giờ.
- Dòng số 02: Khí thải từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng khoảng 73,845m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng số 01: Xả thải gián đoạn theo ca sản xuất (khoảng 8 giờ/ca). Khí thải được xả thải ra môi trường theo phương thức tự xả.
- Dòng số 02: Xả thải không thường xuyên (gián đoạn) chỉ phát sinh trong trường hợp mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố. Khí thải được xả thải ra môi trường theo phương thức tự xả.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 21:2009/BTNMT cột B; QCVN 20:2009/BTNMT cột B và QCVN 19:2009/BTNMT cột B), cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 21:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	QCVN 19:2009/ BTNMT		
Dòng khí thải số 01						01 năm/lần	Không
1	Bụi	mg/Nm ³	200	-	-		
2	NO _x	mg/Nm ³	850	-	-		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	-		
4	Benzen	mg/Nm ³	-	5	-		
5	Toluen	mg/Nm ³	-	750	-		
6	Xylol	mg/Nm ³	-	870	-		
7	NH ₃	mg/Nm ³	50	-	-		
8	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	50	-	-		
Dòng khí thải số 02							
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	-	-	240		
2	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	-	-	1.200		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	-	-	600		
4	Nitơ oxýt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	-	-	1.020		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ nguồn số 01 được thu gom dẫn về cụm xử lý khí thải bằng hệ thống đường ống khí chính của hệ thống để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải từ nguồn số 02 được thu gom bằng đường ống sau đó thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút → Đường ống thu khí → Hệ thống lọc túi vải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 7000m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính và dung dịch hấp thụ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và dự phòng thiết bị thay thế cho các hệ thống xử lý bụi, khí thải; vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra đối với các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Trường hợp thiết bị xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, chủ cơ sở dừng hoạt động có phát sinh khí thải để khắc phục sự cố, đảm bảo bụi, khí thải luôn được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải.

- Trường hợp bụi, khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động có phát sinh khí thải để kiểm tra, xác định nguyên nhân và có biện pháp cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 03/3/2025 đến ngày 02/6/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý bụi, khí thải, công suất thiết kế 7.000m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

- Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực sản xuất thuộc xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1155144; Y= 0567368 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

- Thông số: Bụi, SO₂, NO_x, Benzen, Toluen, Xylen, NH₃, H₂SO₄.

- Quy chuẩn so sánh, đánh giá, giám sát chất lượng khí thải sau xử lý: QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (Cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (Cột B).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Mẫu khí thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi và khí thải 03 ngày liên tục từ ngày 04/6/2025 đến ngày 07/6/2025: 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thông báo đến cơ quan cấp Giấy phép.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải, hơi, mùi.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Bố trí điểm quan trắc bụi, khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.7 Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải và báo cáo kịp thời về Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-PTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất tại cơ sở.

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X= 1155151; Y=0567369 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Nguồn số 02: X= 1155202; Y=0567385 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	Không	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực;

- Bố trí máy móc gây ồn trong một khu vực chung và cách ly với các khu vực khác, giảm rung cho tất cả các thiết bị;

- Bộ phận bảo trì sửa chữa lên lịch kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trong quá trình hoạt động và tiến hành bảo dưỡng, hiệu chỉnh máy móc thiết bị định kỳ;

- Lắp đặt đệm chống rung với các thiết bị có công suất lớn;

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;

- Các xe vận chuyển thuộc tài sản của Công ty phải thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng;

- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực để hạn chế tiếng ồn;

- Máy phát điện được đặt khu vực riêng cách xa khu vực làm việc của nhân viên. Máy phát điện được lắp đặt nguyên kiện có thiết kế vỏ chống ồn và bộ phận giảm thanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-PTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	02
2	Hộp mực in thải	Lỏng	08 02 04	03
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau thải	Rắn	18 01 01	04
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	26
Tổng				35

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	520
2	Bao bì nhựa thải không dính hóa chất	18 01 06	55
Tổng cộng			575

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 9,2 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng có nắp đậy, dung tích 15 lít có nắp đậy kín, dán nhãn và biểu tượng chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khu vực chứa chất thải nguy hại được đặt trong khuôn viên nhà máy. Khu vực chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10m², có mái che, nền chống thấm, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất

thải nguy hại. Bên trong bố trí 04 thùng có nắp đậy, dung tích 40 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại.

- Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển CTNH xử lý theo quy định. Đảm bảo chất thải nguy hại được thu gom và xử lý đúng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho chứa phế liệu diện tích 30 m² (được xây dựng mái, vách tole và nền tráng xi măng bố trí bên trong nhà xưởng sản xuất).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường như thùng carton, giấy vụn, bao nylon, dây buộc, nhãn mác... được thu gom hàng vào thùng chứa loại 240 lít đặt trong khu vực sản xuất sau đó vận chuyển vào kho chứa phế liệu để lưu chứa.

- Hiện tại Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở được lưu chứa và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải định kỳ theo quy định

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng loại 60 lít.

2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt:

- Bố trí tại khu vực tập trung đông người, nhà làm việc, phân công công nhân cuối ngày mang rác ra phía trước cơ sở để xe thu gom rác của địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển về bãi rác xử lý theo quy định, tần suất thu gom 1 lần/ ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Có trách nhiệm trang bị các phương tiện, thiết bị thu gom, lưu chứa, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-PTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -.

D. YÊU CẦU KIỂM VỆ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại khu vực sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sự cố môi trường, sự cố hóa chất,...và các sự cố khác theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

5. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ cơ sở để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ cơ sở phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường

trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật

8. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chế biến bột cá, mỡ cá (đính kèm theo Giấy phép này)/.